



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Bạch Đằng,

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Minh Đức (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lại Văn Lườn	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Đức	Phó chủ tịch
Ông Phạm Văn Khản	Thành viên
Ông Đinh Hữu Nam	Thành viên
Ông Lê Văn Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc, người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Văn Khản	Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật
Ông Lại Văn Lườn	Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Bạch Đằng,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Khấn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Số. 15/BCKT-UHYHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Minh Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Minh Đức (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Hồng Hiên

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1117-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Đức Quỳnh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1016-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.795.085.796	53.160.440.499
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.686.667.023	2.380.457.394
1 Tiền	111		1.686.667.023	2.380.457.394
II Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.558.652.931	39.056.819.770
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	23.349.870.246	23.406.182.828
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	16.789.945.187	19.185.701.387
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	7	61.000.000	124.421.220
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(20.642.162.502)	(3.659.485.665)
III Hàng tồn kho	140	9	22.380.399.930	11.610.303.381
1 Hàng tồn kho	141		22.380.399.930	11.610.303.381
IV Tài sản ngắn hạn khác	150		169.365.912	112.859.954
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		169.365.912	112.859.954
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	153		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.357.350.474	93.102.905.803
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.131.674.306	1.131.674.306
1 Phải thu dài hạn khác	216	7	1.131.674.306	1.131.674.306
II Tài sản cố định	220		91.155.365.595	6.400.859.159
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	91.155.365.595	6.400.859.159
- Nguyên giá	222		207.861.469.675	117.875.415.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.706.104.080)	(111.474.556.016)
III Tài sản dở dang dài hạn	240	11	4.070.310.573	85.570.372.338
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.070.310.573	85.570.372.338
IV Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12	1.230.000.000	1.230.000.000
2 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	12	(1.230.000.000)	(1.230.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.152.436.270	146.263.346.302

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		76.471.448.179	67.492.333.890
I Nợ ngắn hạn	310		76.471.448.179	66.722.198.755
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	24.960.911.290	13.079.345.860
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.757.424	29.473.151
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	389.160.922	771.910.627
4 Phải trả người lao động	314		2.880.064.312	2.743.496.042
3 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	775.386.216
5 Phải trả ngắn hạn khác	319		70.616.322	171.648.241
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	44.733.630.147	46.081.440.276
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.424.307.762	3.069.498.342
II Nợ dài hạn	330		-	770.135.135
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	-	770.135.135
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.680.988.091	78.771.012.412
I Vốn chủ sở hữu	410	16	63.680.988.091	78.771.012.412
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		69.640.750.000	49.744.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		69.640.750.000	49.744.500.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		1.620.333.562	12.123.199.397
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.580.095.471)	16.903.313.015
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(7.580.095.471)	16.903.313.015
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		140.152.436.270	146.263.346.302



Phạm Văn Khấn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Hương
Kê toán trưởng

Lê Văn Hiến
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		132.825.127.932	133.947.054.076
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		455.570.482	854.276.254
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	132.369.557.450	133.092.777.822
4 Giá vốn hàng bán	11	19	110.976.999.879	97.991.313.327
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.392.557.571	35.101.464.495
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	71.546.199	425.812.272
7 Chi phí tài chính	22	21	1.280.942.654	195.501.916
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		925.549.159	-
8 Chi phí bán hàng	25	22	5.619.473.215	9.460.549.070
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	22.816.943.511	6.956.129.527
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.253.255.610)	18.915.096.254
11 Thu nhập khác	31		1.356.877.734	126.657.805
12 Chi phí khác	32		-	487.500.000
13 Lợi nhuận khác	40	23	1.356.877.734	(360.842.195)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.896.377.876)	18.554.254.059
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	683.717.595	1.650.941.044
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.580.095.471)	16.903.313.015
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(847)	2.063



Phạm Văn Khấn
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Hương
 Kế toán trưởng

Lê Văn Hiến
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6.896.377.876)	18.554.254.059
2. Điều chỉnh cho các khoản				
1. Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		5.779.926.064	3.523.124.927
2. Các khoản dự phòng	03		16.982.676.837	(162.129.700)
3. (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		353.665.526	106.503.718
4. (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.493.025)	(4.493.025)
5. Chi phí lãi vay	06		925.549.159	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.140.946.685	22.017.259.979
1. (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		2.458.984.044	3.582.156.228
2. (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(10.770.096.549)	4.068.208.264
3. Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.304.867.012	7.471.681.623
4. Tiền lãi vay đã trả	14		(925.549.159)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(600.000.000)	(3.162.867.697)
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.180.669.430)	(1.643.252.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.428.482.603	32.333.186.389
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.034.370.735)	(24.535.632.068)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.493.025	4.493.025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.029.877.710)	(24.531.139.043)
1. Tiền thu từ đi vay	33	15	1.200.000.000	860.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	15	(1.541.621.000)	(5.114.000.000)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.776.324.264)	(1.821.324.264)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16	(4.974.450.000)	(9.948.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.092.395.264)	(16.024.224.264)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(693.790.371)	(8.222.176.918)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	2.380.457.394	10.602.634.312
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.686.667.023	2.380.457.394



Phạm Văn Khấn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Lê Văn Hiến
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa chất Minh Đức là Doanh nghiệp cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty Hóa chất Minh Đức và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0200348588 cấp lần đầu ngày 31/12/1998, thay đổi lần 14 ngày 27/08/2025 do Sở tài chính Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn Điều lệ của Công ty là 69.640.750.000 đồng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 195 người (tại ngày 01/01/2025 là 204 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất vôi nhanh, vôi tôi, vôi ngậm trong nước, vôi ngậm nước; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất đá vôi, sản xuất bột đá, sản xuất bột nhẹ; sản xuất đá hạt; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất bột nhẹ CaCO₃, bột nặng CaCO₃, bột tan và các phụ gia nghiền từ khoáng sản; Sản xuất khí CO₂; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn vật tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, trong số dư hàng tồn kho đến ngày 31/12/2025 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc, thiết bị	06-07
Phương tiện vận tải	04-06
Thiết bị quản lý	03-06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức được xác định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh năm 2025 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	27.111.531	7.158.982
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.659.555.492	2.373.298.412
Cộng	1.686.667.023	2.380.457.394

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	23.349.870.246	(3.623.420.815)	23.406.182.828	(3.659.485.665)
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Minh Đức	10.921.962.092	-	9.620.092.282	-
Công ty Cổ phần K-H-V	3.623.420.815	(3.623.420.815)	3.659.485.665	(3.659.485.665)
Công ty TNHH Minh Đức Sài Gòn	2.670.121.754	-	3.554.601.407	-
Công ty TNHH MTV Tâm Minh Đức	2.830.899.130	-	2.964.463.045	-
Các đối tượng khác	3.303.466.455	-	3.607.540.429	-
Cộng	23.349.870.246	(3.623.420.815)	23.406.182.828	(3.659.485.665)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	16.789.945.187	16.418.741.687	19.185.701.387	-
CT TNHH MTV KHKT BVMT	16.418.741.687	16.418.741.687	18.753.797.487	-
Trung Việt (1)	371.203.500	-	431.903.900	-
Các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	16.789.945.187	16.418.741.687	19.185.701.387	-

Ghi chú (1)

Trả tiền theo Hợp đồng 260321/HĐMB/MĐ-TV ngày 26/03/2021 để “Mua bán MMTB hệ thống thu hồi khí CO2”, tổng giá trị hợp đồng 48.752.205.500 VND (Chưa bao gồm thuế GTGT). Trong năm 2025, dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, giá trị máy móc thiết bị nhà thầu đã cung cấp 43.042.487.850 đồng, Công ty đã thanh toán cho nhà thầu 59.461.229.537 đồng, tại 31/12/2025 Công ty đã chuyển nhiều hơn so với giá trị máy móc thiết bị hàng hóa đã cung cấp là 16.418.741.687 đồng. Tuy nhiên, Công ty đánh giá khoản tiền đã chuyển này khó có khả năng thu hồi, do đó Công ty chưa tính bất kỳ khoản lãi nào liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn khác	61.000.000	124.421.220
Tạm ứng	61.000.000	-
Phải thu khác	-	124.421.220
Phải thu dài hạn khác	1.131.674.306	1.131.674.306
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	431.268.750	431.268.750
Phải thu khác (**)	700.405.556	700.405.556
Cộng	1.192.674.306	1.256.095.526

(*) Ký quỹ Theo hợp đồng thuê tài chính như trình bày tại Thuyết Minh số 14.

(**) Phản ánh khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Kiều Phương thực hiện dự án đầu tư xin cấp phép khai thác mỏ Lèn Bắc thuộc xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An theo biên bản thống nhất số 215/HCMĐ ngày 12 tháng 11 năm 2022, số tiền góp vốn là 700.405.556 đồng. Hiện Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết có liên quan đến dự án.

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	20.042.162.502	20.642.162.502	3.659.485.665	3.659.485.665
CT TNHH MTV				
KHKT BVMT	16.418.741.687	16.418.741.687	-	-
Trung Việt				
Công ty CP K- H- V	3.623.420.815	3.623.420.815	3.659.485.665	3.659.485.665
Công ty cổ phần An Mỹ Đức	600.000.000	600.000.000	-	-
Cộng	20.642.162.502	20.642.162.502	3.659.485.665	3.659.485.665

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.294.410.529	-	5.895.207.217	-
Công cụ, dụng cụ	3.508.414.520	-	177.552.711	-
Thành phẩm	7.577.574.881	-	5.537.543.453	-
Cộng	22.380.399.930	-	11.610.303.381	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Bạch Đằng,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	42.776.932.200	68.466.433.975	4.454.272.000	2.177.777.000	117.875.415.175
Tăng trong năm	-	90.534.432.500	-	-	90.534.432.500
Thanh lý, nhượng bán	-	(548.378.000)	-	-	(548.378.000)
Số dư cuối năm	42.776.932.200	158.452.488.475	4.454.272.000	2.177.777.000	207.861.469.675
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	41.437.180.874	63.731.499.602	4.128.098.540	2.177.777.000	111.474.556.016
Khấu hao trong năm	1.145.934.927	4.500.517.137	133.474.000	-	5.779.926.064
Thanh lý, nhượng bán	-	(548.378.000)	-	-	(548.378.000)
Số dư cuối năm	42.583.115.801	67.683.638.739	4.261.572.540	2.177.777.000	116.706.104.080
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	1.339.751.326	4.734.934.373	326.173.460	-	6.400.859.159
Số dư cuối năm	193.816.399	90.768.849.736	192.699.460	-	91.155.365.595

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 97.250.832.500 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 89.300.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	85.570.372.338	63.107.208.445
Phát sinh tăng	9.034.370.735	24.535.632.068
Kết chuyển vào tài sản	(90.534.432.500)	(2.072.468.175)
Tại ngày cuối năm	4.070.310.573	85.570.372.338

Chi tiết theo công trình

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lò vôi vò sắt số 3 (*)	3.876.444.067	3.876.444.067
Hệ thống thu hồi khí CO2 (**)	-	81.693.928.271
Tháp lọc khí CO2	193.866.506	-
Cộng	4.070.310.573	85.570.372.338

(*) Hệ thống đầu tư lò vôi sắt số 3, hệ thống này được đầu tư để đấu nối vào hệ thống (**).

(**) Trong năm, Công ty đã hoàn thành đầu tư và nghiệm thu công trình sản xuất khí CO2.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty liên kết	1.230.000.000	(*)	1.230.000.000	1.230.000.000	(*)	1.230.000.000
Cộng	1.230.000.000		1.230.000.000	1.230.000.000		1.230.000.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin Công ty liên kết

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Đức Phương	Nghệ An	Khai thác mỏ đá	50	50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Khang Thịnh	6.468.979.268	6.468.979.268	3.013.564.800	3.013.564.800
Công ty TNHH Vina Carbon Việt Nam	9.357.722.715	9.357.722.715	4.162.285.997	4.162.285.997
Công ty TNHH TM XNK Zhonggiemu	4.448.673.800	4.448.673.800	4.095.008.274	4.095.008.274
Các đối tượng khác	4.685.535.507	4.685.535.507	1.808.486.789	1.808.486.789
Cộng	24.960.911.290	24.960.911.290	13.079.345.860	13.079.345.860

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế phải nộp	771.910.627	3.608.576.200	3.991.325.905	389.160.922
Thuế giá trị gia tăng	522.829.529	1.593.528.143	2.116.357.672	-
Thuế TNDN	200.941.045	683.717.595	600.000.000	284.658.640
Thuế TNCN	48.140.053	700.338.751	643.976.522	104.502.282
Thuế XNK	-	371.476.462	371.476.462	-
Tiền thuê đất	-	256.515.249	256.515.249	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Bạch Đằng,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	46.081.440.276	46.081.440.276	1.970.135.135	3.317.945.264	44.733.630.147	44.733.630.147
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>44.260.116.000</i>	<i>44.260.116.000</i>	<i>1.200.000.000</i>	<i>1.541.621.000</i>	<i>43.918.495.000</i>	<i>43.918.495.000</i>
Vay các cá nhân (1)	44.260.116.000	44.260.116.000	1.200.000.000	1.541.621.000	43.918.495.000	43.918.495.000
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.821.324.276</i>	<i>1.821.324.276</i>	<i>770.135.135</i>	<i>1.776.324.264</i>	<i>815.135.147</i>	<i>815.135.147</i>
CT cho thuê TC TNHH MTV QT Chailease (2)	1.821.324.276	1.821.324.276	770.135.135	1.776.324.264	815.135.147	815.135.147
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	770.135.135	770.135.135	-	770.135.135	-	-
CT cho thuê TC TNHH MTV QT Chailease (2)	770.135.135	770.135.135	-	770.135.135	-	-
Cộng	46.851.575.411	46.851.575.411	1.970.135.135	4.088.080.399	44.733.630.147	44.733.630.147

(1) Vay các cổ đông Công ty theo các hợp đồng vay cụ thể trong vòng 1 năm, lãi suất vay là 8,4%/năm, khoản vay dùng để đầu tư hệ thống thu hồi khí CO₂, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(2) Vay theo 2 hợp đồng thuê tài chính:

- Hợp đồng thuê tài chính số C2109180P2 ngày 8/11/2022 với tổng gốc vay là 4.016.486.250 VND; tài sản thuê gồm: hệ thống tháp rửa khí CO₂, hệ thống bơm rửa khí CO₂; Thời gian thuê 55 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số C2306256P2 ngày 27/07/2023 với tổng gốc vay là 4.500.000.000 VND; đã trả trước 1.800.000.000vnd; tài sản thuê gồm: hệ thống rửa khí CO₂ và hệ thống bơm rửa khí CO₂; Thời gian thuê 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Bạch Đằng,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)*Lịch trả nợ thuê tài chính*

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng thanh toán tiền thuê	Trả tiền lãi thuê	Trả tiền gốc	Tổng thanh toán tiền thuê	Trả tiền lãi thuê	Trả tiền gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trong vòng một năm	835.917.140	20.781.993	815.135.147	2.148.237.711	326.913.435	1.821.324.276
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	-	-	-	955.317.440	185.182.305	770.135.135
Cộng	835.917.140	20.781.993	815.135.147	3.103.555.151	512.095.740	2.591.459.411
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(835.917.140)	(20.781.993)	(815.135.147)	(2.148.237.711)	(326.913.435)	(1.821.324.276)
Số phải trả sau 12 tháng	-	-	-	955.317.440	185.182.305	770.135.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn Điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, vốn Điều lệ của Công ty là 69.640.750.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Danh sách các cổ đông lớn của Công ty như sau:

	Vốn đã góp đến			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Cổ phần	VND	Cổ phần
Phạm Văn Khấn	6.268.050.000	626.805	4.477.180.000	447.718
Phạm Tiến Đức	2.270.850.000	227.085	1.622.040.000	162.204
Nguyễn Thanh Quyền	1.806.560.000	180.656	1.190.400.000	119.040
Lại Văn Lườn	1.740.000.000	174.000	1.248.310.000	124.831
Nguyễn Thành Chung	1.158.550.000	115.855	1.158.550.000	115.855
Đình Hữu Nam	1.120.000.000	112.000	800.000.000	80.000
Lê Văn Hiến	1.120.000.000	112.000	800.000.000	80.000
Phạm Văn Tố	1.742.510.000	174.251	1.244.650.000	124.465
Phạm Văn Quang	1.626.430.000	162.643	1.161.740.000	116.174
Cổ đông khác	50.787.800.000	5.078.780	36.041.630.000	3.604.163
Cộng	69.640.750.000	6.964.075	49.744.500.000	4.974.450

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	49.744.500.000	3.811.864.593	20.438.755.422	73.995.120.015
Lợi nhuận trong năm	-	-	16.903.313.015	16.903.313.015
Trích lập các quỹ	-	8.311.334.804	(10.489.855.422)	(2.178.520.618)
Chia cổ tức	-	-	(9.948.900.000)	(9.948.900.000)
Số dư đầu năm nay	49.744.500.000	12.123.199.397	16.903.313.015	78.771.012.412
Lợi nhuận trong năm	-	-	(7.580.095.471)	(7.580.095.471)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	(2.535.478.850)	(2.535.478.850)
Tăng vốn trong năm	19.896.250.000	(10.502.865.835)	(9.393.384.165)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	(4.974.450.000)	(4.974.450.000)
Số dư cuối năm nay	69.640.750.000	1.620.333.562	(7.580.095.471)	63.680.988.091

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2025, Đại hội thông qua các phương án phân chia lợi nhuận của năm 2024 như sau:

- Trích lập các quỹ bao gồm: Quỹ khen thưởng 845.165.550 đồng; trích quỹ phúc lợi 1.690.313.300 đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

- Thông qua Phương án phát hành 40% cổ phiếu để tăng vốn cổ phần tương ứng 19.897.800.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 và Quỹ đầu tư phát triển còn lại đến 31/12/2024.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện phát hành thành công 40% cổ phiếu tương ứng với 1.989.625 tăng thêm 19.896.250.000 đồng (trong đó từ nguồn Lợi nhuận chưa phân phối là 9.393.384.165 đồng và quỹ đầu tư phát triển là 10.502.865.835 đồng).

- Chi trả cổ tức bằng tiền 10% tương đương với 4.974.450.000 đồng;

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	69.640.750.000	49.744.500.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	69.640.750.000	49.744.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(4.974.450.000)	(9.948.900.000)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.964.075	4.974.450
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.964.075	4.974.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.964.075	4.974.450
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.964.075	4.974.450
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ tại các ngân hàng (USD)	50.893,05	66.168,95

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	132.825.127.932	133.947.054.076
Các khoản giảm trừ doanh thu	(455.570.482)	(854.276.254)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.369.557.450	133.092.777.822

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	110.976.999.879	97.991.313.327
Cộng	110.976.999.879	97.991.313.327

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	322.622	1.428.342
Lãi chênh lệch tỷ giá	71.223.577	424.383.930
Cộng	71.546.199	425.812.272

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	355.393.495	195.501.916
Chi phí lãi vay	925.549.159	-
Cộng	1.280.942.654	195.501.916

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	5.619.473.215	9.460.549.070
Chi phí nhân viên	1.873.004.196	2.322.895.331
Chi phí nguyên vật liệu	11.148.134	502.124.333
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	1.452.428.545	2.461.668.493
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.282.892.340	4.173.860.913
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	22.816.943.511	6.956.129.527
Chi phí nhân viên quản lý	4.443.918.922	4.455.072.590
Dự phòng	16.982.676.837	(162.129.700)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.390.347.752	2.663.186.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***23. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Bán phế liệu	94.269.984	121.442.305
Vật tư thừa do kiểm kê	1.260.000.000	-
Thu nhập khác	2.607.750	5.215.500
Cộng	1.356.877.734	126.657.805
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	487.500.000
Cộng	-	487.500.000
Lợi nhuận khác	1.356.877.734	(360.842.195)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế (*)	(6.896.377.876)	18.554.254.059
Hoạt động khoa học công nghệ	(10.429.164.035)	10.751.542.867
Hoạt động khác	3.532.786.159	7.802.711.192
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	16.816.010.170	1.665.663.994
<i>Hoạt động khoa học công nghệ</i>	<i>16.930.208.354</i>	<i>1.213.669.966</i>
Trừ: Chi phí năm trước chưa được trừ	(88.533.333)	-
Cộng : Chi phí không được trừ	17.018.741.687	1.213.669.966
<i>Hoạt động khác</i>	<i>(114.198.184)</i>	<i>451.994.028</i>
Trừ: Chi phí năm trước chưa được trừ	(114.198.184)	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	451.994.028
Thu nhập chịu thuế	9.919.632.294	20.219.918.053
<i>Hoạt động khoa học công nghệ</i>	<i>6.501.044.319</i>	<i>11.965.212.833</i>
<i>Hoạt động khác</i>	<i>3.418.587.975</i>	<i>8.254.705.220</i>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.983.926.459	4.043.983.611
Miễn thuế (*)	(1.300.208.864)	(2.393.042.567)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	683.717.595	1.650.941.044

(*) Từ năm 2024, Công ty được hưởng ưu đãi thuế cho doanh nghiệp khoa học công nghệ đối với sản phẩm sản xuất bột nhẹ CaCO₃ và thu hồi khí CO₂, theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ số 44/DNKHCN, ngày 29/11/2023 do Bộ khoa học công nghệ cấp. Theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với sản phẩm công nghệ. Năm 2025 là năm thứ hai Công ty áp dụng hưởng ưu đãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC**MẪU SỐ B 09-DN**

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Bạch Đằng,

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông (VND)	(7.580.095.471)	16.903.313.015
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.535.496.952)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(7.580.095.471)	14.367.816.063
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành	6.964.075	4.974.450
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu để chia cổ tức (*)	1.989.625	1.989.625
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.953.700	6.964.075
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	(847)	2.063

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại do việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 2.063 VND/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 2.888 VND/cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2025 chưa được điều chỉnh bởi các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 do chưa có thông tin.

Cổ tức

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị 01/2026/NQ-HĐQT-HCMĐ ngày 08/01/2026, Ban Giám đốc Công ty đã đề xuất cổ tức với tỷ lệ 5% và sẽ chia cho các cổ đông vào ngày 23/01/2026. Các cổ đông của Công ty sẽ phê duyệt mức cổ tức này tại Đại hội cổ đông thường niên. Công ty chưa hạch toán khoản cổ tức được chia này vào báo cáo tài chính năm nay. Mức cổ tức đề xuất sẽ được thanh toán cho các cổ đông theo danh sách lưu ý tại ngày 23 tháng 01 năm 2026. Tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 3.482.037.500 VND.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá	69.881.870.933	55.398.591.004
Chi phí nhân công	30.723.565.813	25.695.236.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.779.926.064	3.523.124.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	18.242.950.562	24.731.123.268
Chi phí dự phòng	4.889.557.710	3.821.615.365
Cộng	129.517.871.082	113.169.690.901

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch sản xuất bột nhẹ, bột nặng, bột tan và các phụ gia nghiên từ khoáng sản. Sản phẩm của Công ty được xuất khẩu và tiêu thụ trong nước chủ yếu thông qua các công ty thương mại. Báo cáo bộ phận được lập cho năm tài chính như sau:

	Tiêu thụ trong nước	Xuất khẩu	Cộng
	VND	VND	VND
Năm nay			
Doanh thu bán thành phẩm	115.145.850.289	17.679.277.643	157.261.531.570
Các khoản giảm trừ	84.094.020	371.476.462	455.570.482
Doanh thu thuần	115.061.756.269	17.307.801.181	132.369.557.450
Giá vốn của thành phẩm đã bán	97.130.758.934	13.846.240.945	110.976.999.879
Lãi gộp	17.930.997.335	3.461.560.236	21.392.557.571
	Tiêu thụ trong nước	Xuất khẩu	Cộng
	VND	VND	VND
Năm trước			
Doanh thu bán thành phẩm	109.510.650.438	24.436.403.638	133.947.054.076
Các khoản giảm trừ	-	854.276.254	854.276.254
Doanh thu thuần	109.510.650.438	23.582.127.384	133.092.777.822
Giá vốn của thành phẩm đã bán	87.608.520.351	10.382.792.976	97.991.313.327
Lãi gộp	21.902.130.087	13.199.334.408	35.101.464.495

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

Ban lãnh đạo	Chức danh
Lại Văn Lườn	Chủ tịch HĐQT- Phó tổng Giám đốc
Phạm Tiến Đức	Phó chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Phạm Văn Khấn	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Đình Hữu Nam	Thành viên HĐQT
Lê Văn Hiến	Thành viên HĐQT
Phạm Văn Quang	Trưởng BKS

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay ngắn hạn	500.000.000	-
Phạm Văn Khấn	500.000.000	-
Lê Văn Hiến	-	360.000.000
Lãi vay đã chi trả	1.414.331.000	1.426.003.000
Phạm Văn Khấn	1.020.432.000	1.023.471.000
Lại Văn Lườn	74.099.000	75.723.000
Phạm Tiến Đức	319.800.000	326.809.000
Lê Văn Hiến	54.600.000	53.394.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư với bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả vay ngắn hạn	18.390.000.000	17.890.000.000
Phạm Văn Khấn	13.340.000.000	12.840.000.000
Lại Văn Lườn	950.000.000	950.000.000
Phạm Tiến Đức	4.100.000.000	4.100.000.000
Lê Văn Hiến	700.000.000	700.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc (Lương, thưởng, cổ tức)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng, phụ cấp	2.643.110.836	2.566.954.345
Phạm Văn Khấn	537.731.916	537.019.051
Lại Văn Lườn	518.815.536	492.674.810
Phạm Tiến Đức	493.152.817	481.433.741
Đình Hữu Nam	483.791.048	459.934.045
Lê Văn Hiến	344.228.441	341.555.228
Phạm Văn Quang	265.391.078	254.337.470
Cổ tức		
Phạm Văn Khấn	425.332.100	850.664.200
Lại Văn Lườn	118.589.450	237.178.900
Phạm Tiến Đức	154.093.800	308.187.600
Đình Hữu Nam	76.000.000	152.000.000
Lê Văn Hiến	76.000.000	152.000.000
Phạm Văn Quang	110.365.300	220.730.600

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.



Phạm Văn Khấn
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Hương
 Kế toán trưởng

Lê Văn Hiến
 Người lập